

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÁT MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÁT MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502439300

**3. Ngày thành lập:** 27/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Quốc lộ 55, khu phố Thanh Long, Thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0945443335

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Sản xuất Điện năng lượng mặt trời                                                                                                                                                         | 3511     |
| 2.  | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện năng lượng mặt trời                                                                                                                           | 3512     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                               | 3314     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời và hệ thống xây dựng | 4321     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                    | 2740     |
| 6.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                            | 2750     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện                                                                                                                                                      | 2790     |
| 8.  | Xây dựng công trình điện<br>Chi tiết: Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình điện năng lượng mặt trời; xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp                                                          | 4221     |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                  | 4222     |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                   | 4223     |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                        | 4649     |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng đường bộ                                                                                                                                       | 4932     |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                       | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 15. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4229        |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 18. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3290        |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4299(Chính) |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời; Mua bán máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện, rơ le, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác và máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659        |
| 22. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3811        |
| 23. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3812        |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4741        |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4759        |
| 27. | Hoạt động viễn thông có dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6110        |
| 28. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6120        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết : Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, dự thầu, đấu thầu; phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu; Lập báo cáo hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; lập báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu; Lập dự án đầu tư các công trình xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng; Dịch vụ tư vấn các công trình xây dựng;<br>- Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...); Giám sát lắp đặt thiết bị công trình dân dụng công nghiệp; Giám sát công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật<br>Thiết kế kiến trúc, kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế công trình hạ tầng đô thị; thiết kế công trình giao thông (cầu, đường, cống..); Thiết kế công trình thủy lợi, Thiết kế hệ thống điện, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp | 7110 |
| 30. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7212 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH CHÁNH Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 07/09/1984 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 273105673  
 Ngày cấp: 11/03/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Phố Thanh Long, Thị Trấn Đất Đỏ, Huyện Đất đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
 Chỗ ở hiện tại: Khu Phố Thanh Long, Thị Trấn Đất Đỏ, Huyện Đất đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu